TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số: **59**/2018/HSST
Ngày: 26/11/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN – TỈNH NGHỆ AN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Phan Quang Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Thế Phương** và **ông Phan Văn Hiển**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thị Lan** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: **Ông Vũ Đức Tính** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2018/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Trung T; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 01/7/1976; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Hòa , xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: trồng trọt; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Con ông: Trần Trung H - đã chết và bà Nguyễn Thị - đã chết; Vợ: Trần Thị Q - sinh năm 1979; Con: có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 01/9/1998 bị TAND thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắc Lắc xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 31/5/2016 bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù nh- ng cho h- ởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc", đã đ- ợc xóa án tích. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 05/10/2018 được tại ngoại. Có mặt.

2. Trần Minh Ph; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 02/10/1961; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Hòa H, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;Trình độ văn hoá: 7/10; Con ông Trần Văn H - đã chết và bà Nguyễn Thị L- đã chết; Vợ: Võ Thị Th; sinh năm 1963; Con: có 3 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 05/10/2018 được tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Trọng H; tên gọi khác: không ; Sinh ngày: 10/9/1992; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Hòa H, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Nguyễn Trọng M - sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị Th - sinh năm 1965; Vợ: Hồ Thị H - sinh năm 1992; Con: ch- a có; Tiền án,

tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 05/10/2018 được tại ngoại. Có mặt.

4. Nguyễn Văn Ch - tên gọi khác: không; Sinh ngày: 20/7/1984; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Hòa H, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: thợ xây; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn M - đã chết và bà: Nguyễn Thị H – sinh năm 1958; Vợ: Ngô Thị M - sinh năm 1990; Con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018;Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 05/10/2018 được tại ngoại. Có mặt.

5. Nguyễn Văn T; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 20/12/1982; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Hòa H, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 8/12; Con ông: Nguyễn Văn M (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H – sinh năm 1958; Vợ: Ngô Thị H - sinh năm 1985; Con: có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 05/10/2018 được tại ngoại; Có mặt.

6. Phan Thành V; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 16/3/1983; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Hòa H, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lái xe; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 5/12; Con ông: Phan Huy H - đã chết và bà: Nguyễn Thị L; sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị N; sinh năm 1985; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 05/10/2018 được tại ngoại; Có mặt.

7. Trần Bá D; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 04/7/1967;Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Hòa H, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 7/10; Con ông: Trần Bá Ng - đã chết và bà: Hoàng Thị Th - đã chết; Vợ: Nguyễn Thị Ng - sinh năm 1968; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 đến ngày 05/10/2018 được tại ngoại; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 29/9/2018, Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Trung T đều trú tại xóm Hòa H, xã Nghĩa Hội rủ nhau đến nhà anh Trần Văn T chơi. Tại đây, sau khi khi ngồi uống n- ớc một lúc thì mọi ng- ời rủ nhau đánh bạc thì tất cả đồng ý. Trần Minh Ph đi mua một bộ bài tú lơ khơ về và mọi ng- ời bắt đầu thực hiện hành vi đánh bạc, theo đó các đối t- ợng thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh liêng, mỗi ván đặt cửa là 20.000đ, phạt tiền tối đa là 100.000đ, đối với ván bài mua thì phạt tối đa là 200.000đ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày khi các đối t- ợng này đang say s- a sát phạt thì bị lực l- ợng công an huyện Nghĩa Đàn bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.400.000đ là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài. Các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc nh- sau:

Nguyễn Văn T sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Trọng H sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc;Nguyễn Văn Ch sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc; Phan Thành V sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc; Trần Minh Ph sử dụng 1.050.000 đồng để đánh bạc; Trần Bá D sử dụng 1.150.000 đồng để đánh bạc; Trần Trung T sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền các đối t- ợng sử dụng để đánh bạc là 10.400.000 đồng (m- ời triệu bốn trăm ngàn đồng)

Cáo trạng số 59/VKS-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn đã truy tố Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Trung T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nghĩa Đàn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử xử lý đối với các bị cáo như sau: Xử phạt bị cáo Trần Trung T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt các bị cáo Trần Minh Ph, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt các bị cáo Phan Thành V, Trần Bá D mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập mỗi bị cáo từ 10 đến 20% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ với mức thu nhập khoảng 2 triệu đồng/ tháng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.400.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghĩa Đàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng , Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Trung T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra lại tại phiên tòa. Từ đó xác định được: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/9/2018 các bị cáo Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Trung T cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng, quy định đặt cửa từ 20.000 đồng phạt tối đa không quá 200.000

đồng tại thềm của gia đình anh Trần Văn T thuộc xóm Hòa Hội, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Nghĩa Đàn tiến hành bắt quả tang. Quá trình đánh bạc các bị cáo sử dụng số tiền nh- sau: Nguyễn Văn T sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Trọng H sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc;Nguyễn Văn Ch sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc; Phan Thành V sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc; Trần Minh Ph sử dụng 1.050.000 đồng để đánh bạc; Trần Bá D sử dụng 1.150.000 đồng để đánh bạc; Trần Trung T sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền các đối t- ợng sử dụng để đánh bạc là 10.400.000 đồng (m- ời triệu bốn trăm ngàn đồng). Nh- vậy Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng H- ng, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Trung T đã phạm tội đánh bạc theo khoản 1 điều 321 nh- cáo trạng quy kết là đúng căn cứ pháp luật.

Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do các bị cáo Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, T Trung T thực hiện với lỗi cố ý đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng gây mất trật tự trị an tại địa phương do vậy cần phải xử lý nghiêm.

Xét vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Bị cáo Trần Minh Ph là bị cáo tham gia với vai trò tích cực, trực tiếp đi mua bộ bài, bị cáo Trần Trung T tuy sử dụng số tiền ít nhất nhưng có nhân thân xấu. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng Hưng, Nguyễn Văn Ch sử dụng số tiền lớn nhất và cuối cùng đến các bị cáo Phan Thành V, Trần Bá D là các bị cáo sử dụng số tiền ít nhất để đánh bạc.

Xét tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít ngiêm trọng. Các bị cáo Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Trung T có bố, mẹ có công với n- ớc đ- ợc tặng th- ởng huân ch- ơng. Đối với bị cáo Trần Trung T, quá trình lao động, sản xuất tại địa phương đã có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất khắc phục hạn hán cho nhân dân được UBND xã và huyện công nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo Trần Trung T có nhân thân xấu: Ngày 01/9/1998 bị TAND thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắc Lắc xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 31/5/2016 bị TAND huyện Nghĩa Đàn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc" đã chấp hành xong và đã được xóa án tích. Các bị cáo còn lại có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy ch- a cần thiết phải cách ly bị cáo Trần Trung T ra ngoài xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho h- ởng án treo giao về địa ph- ơng quản lý, giáo dục. Đối với các bị cáo Trần Minh Ph, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng H, Phan Thµnh V, Trần Bá D cần phạt cải tạo không giam giữ giao về cho chính quyền địa ph- ơng quản lý giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Cần phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Trần Trung T và khấu trừ thu nhập với bị cáo Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng H, Trần Minh Ph, Trần Bá D, Phan Thành V với mức 10% / tháng với mức thu nhập bình quân khoảng 2.000.000 đồng/ tháng.

Về vật chứng: số tiền 10.400.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần sung quỹ Nhà Nước; 52 quân bài tú lơ khơ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh Ph, Trần Bá D, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Trung T phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điểm s, v khoản 1, 2 điều 51; điều 65 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung T 09 (chín) tháng tù nh- ng cho h- ởng án treo thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; điều 36 - Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Minh Ph, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Ch, Trần Bá D, Phan Thành V.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Ph 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 06 ngày tạm giữ trước đó bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao quản lý nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thi hành trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao quản lý nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thi hành trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao quản lý nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thi hành trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phan Thành V 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao quản lý nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thi hành trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Bá D 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao quản lý nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thi hành trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 36 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao quản lý nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thi hành trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Trần Trung T, Trần Minh Ph, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Ch, Phan Thành V, Trần Bá D về cho UBND xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo khoản 5 điều 65 – BLHS năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bên phải thi hành án ch- a thi hành khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo mức cơ bản do ngân hàng Nhà n- ớc quy định t- ơng ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Về vật chứng: áp dụng khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.400.000đ (m- ời triệu bốn trăm nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2018 giữa cơ quan công an huyện Nghĩa Đàn và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghĩa Đàn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Trần Trung T, Trần Minh Ph, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Phan Thành V, Trần Bá D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Quang Sơn

Nơi nhận:
- Các Bị cáo;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.